

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2026/HNGĐ-PT

Ngày 09-6-2026

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Hạnh.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tuấn,
Ông Hồ Minh Cường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Trường An – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Hòa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý 30/2026/TLPT-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2026 về việc “Tranh chấp ly hôn”.

Do Bản án sơ thẩm số 187/2026/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực M, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2357/2026/QĐ-PT ngày 13 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh D, sinh năm 1986; Căn cước công dân số 049186003721; Địa chỉ: Số H Đường số A, khu dân cư V, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Võ Văn B, sinh năm 1985; Căn cước công dân số 082085014214; Địa chỉ: Số A N, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Trần Thị Kiều H – Công ty L và Cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; Địa chỉ: Số A N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

- Do có kháng cáo của bị đơn ông Võ Văn B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của bản án sơ thẩm như sau:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Thanh D trình bày: Bà và ông Võ Văn B tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2010, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, cuộc sống không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2025, nay bà yêu cầu được ly hôn với ông Võ Văn B.

Về con chung: Bà và ông B có 02 con chung tên Võ Nguyễn Thiên P, sinh ngày: 03/7/2011 và Võ Nguyễn Gia H1, sinh ngày: 28/02/2018. Hiện trẻ P đang sống chung với ông B, trẻ H1 đang sống chung với bà. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ H1 và giao trẻ P cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng, đôi bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Võ Văn B trình bày tại bản tự khai và tại phiên tòa như sau: Ông và bà Nguyễn Thị Thanh D chung sống với nhau từ năm 2010, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Nay bà D yêu cầu ly hôn với ông thì ông không đồng ý vì ông vẫn còn tình cảm với bà D, ông mong muốn được hàn gắn tình cảm để cùng nhau chăm lo cho các con.

Về con chung: Ông và bà D có 02 con chung tên Võ Nguyễn Thiên P, sinh ngày: 03/7/2011 và Võ Nguyễn Gia H1, sinh ngày: 28/02/2018. Hiện trẻ P đang sống chung với ông, trẻ H1 đang sống chung với bà D. Trong trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì ông xin được trực tiếp nuôi 02 (hai) con chung và không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có.

Tại Bản án sơ thẩm số 187/2026/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực M, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 203, Điều 227, Điều 228, Điều 217 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2025;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57 Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Thanh D với ông Võ Văn B.

Bà Nguyễn Thị Thanh D được ly hôn với ông Võ Văn B.

Giấy chứng nhận kết hôn số 159, do Ủy ban nhân dân xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 20/12/2010 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thanh D và ông Võ Văn B có 02 con chung tên Võ Nguyễn Thiên P, sinh ngày: 03/7/2011 và Võ Nguyễn Gia H1, sinh ngày: 28/02/2018. Giao trẻ Võ Nguyễn Gia H1, sinh ngày: 28/02/2018 cho bà Nguyễn Thị Thanh D trực tiếp nuôi dưỡng; giao trẻ Võ Nguyễn Thiên P, sinh ngày: 03/7/2011 cho ông Võ Văn B trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bà D và ông B.

Bà Nguyễn Thị Thanh D và ông Võ Văn B có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, sau này bà Nguyễn Thị Thanh D và ông Võ Văn B đều có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh D chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà bà Nguyễn Thị Thanh D đã nộp theo biên lai thu số 0017248 ngày 15/9/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Thanh D đã nộp đủ án phí.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án theo luật định.

Ngày 04/02/2026, ông Võ Văn B kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn là ông Võ Văn B trình bày: Ông yêu cầu được đoàn tụ. Ông cho biết bà D dọn ra ngoài sống từ ngày 20/5/2025. Ông cho rằng bà D đã ngoại tình, ông cung cấp cho Tòa án chứng cứ chứng minh là tin nhắn về việc bà D ngoại tình. Hiện nay ông không biết bà D đang ở đâu, ông không tìm gặp được bà D. Nếu Tòa án bác đơn ly hôn, bà D phải tự tìm về và xin lỗi ông để đoàn tụ, cho các con ông có được một gia đình trọn vẹn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là Luật sư Trần Thị Kiều H trình bày: Ông B không đồng ý ly hôn vì còn tình cảm với bà D, muốn hàn gắn gia đình vì các con, nên ông B kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu ly hôn của bà D.

Hội đồng xét xử sơ thẩm có vi phạm trong việc tổng đạt, ông B chỉ nhận duy nhất quyết định đưa vụ án ra xét xử, quá trình trước đó thì ông B không tham gia do không nhận được. Tòa án cấp sơ thẩm thay vì giao trực tiếp hoặc thông qua người thứ ba thì lại niêm yết.

Biên bản phiên tòa sơ thẩm chỉ tập trung vào lời khai của bà D, không trao đổi thêm thông tin liên quan của ông B. Tại phiên tòa sơ thẩm, ngoài lời khai của bà D thì bà D không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh mâu thuẫn. Tòa cấp sơ thẩm chỉ dựa vào lời khai của bà D là không khách quan. Trong khi đó, ông B cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh bà D vi phạm chế độ 01 vợ 01 chồng.

Trong trường hợp ly hôn, thì đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm cân nhắc cho ông B được nuôi cả 02 con, vì ông B đảm bảo được việc nuôi con, trong khi bà D ngăn cản ông B thăm con, và bà D không đảm bảo về vấn đề đạo đức.

Về tài sản chung, ông B có cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh tại cấp phúc thẩm, do đó đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu trình bày ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, đã thực hiện việc thông báo kháng cáo và thụ lý vụ án phúc thẩm theo quy định. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/01/2026, Tòa án nhân dân Khu vực M, Thành phố Hồ Chí Minh đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm. Ngày 04/02/2026, ông Võ Văn B kháng cáo. Căn cứ khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì còn trong thời hạn kháng cáo nên chấp nhận về mặt hình thức.

Về nội dung: Theo Phiếu xác minh Công an phường C, Thành phố Hồ Chí Minh, ông B có đăng ký cư trú tại A N, phường C (Phường B, Quận H cũ) Thành phố Hồ Chí Minh, Tòa án cấp sơ thẩm đã tổng đạt tại địa chỉ nêu trên đối với ông B nhưng ông B vắng mặt, tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm ông B có mặt nên quyền và lợi ích hợp pháp của ông B vẫn được đảm bảo.

Hai bên đều xác nhận vợ chồng không hạnh phúc, sống ly thân, ông B không đưa ra được biện pháp hàn gắn, nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận cho bà D được ly hôn với ông B là có căn cứ.

Trẻ Võ Nguyễn Gia H1, sinh ngày 28/02/2018 có ý kiến muốn được sống với mẹ, do đó Tòa án cấp sơ thẩm giao trẻ H1 cho bà D nuôi dưỡng là có cơ sở.

Xét thấy, dù lý do là gì thì mâu thuẫn giữa bà D và ông B cũng đã trầm trọng; ông B không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới kèm theo đơn kháng cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

1/ *Về tố tụng:* Ngày 28/01/2026, Tòa án nhân dân Khu vực M, Thành phố Hồ Chí Minh đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm và tuyên án. Ngày 04/02/2026, ông Võ Văn B kháng cáo bản án sơ thẩm và đã tạm ứng án phí phúc thẩm. Căn cứ vào khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đơn kháng cáo của ông Võ Văn B trong thời hạn luật định và hợp lệ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét.

2/ *Về nội dung:* Ông Võ Văn B kháng cáo yêu cầu xem xét lại bản án sơ thẩm về việc nguyên nhân ly hôn là do lỗi từ phía nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh D có hành vi ngoại tình, không chung thủy.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét:

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu được đoàn tụ với bà D, để gia đình có cuộc sống trọn vẹn, các con có đủ cha mẹ.

Ông B cho rằng bà D ngoại tình, và ông có chứng cứ là các tin nhắn, và bản ghi âm cuộc nói chuyện. Ông B cho rằng lỗi của bà D thì bà D phải tự quay về để sửa sai, đó là phương án của bà D, ông B không có phương án nào.

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 159, do Ủy ban nhân dân xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 20/12/2010, quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thanh D và ông Võ Văn B là hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà D và ông B xác nhận đã ly thân từ tháng 5/2025. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông B xác nhận có mâu thuẫn vợ chồng, thông qua việc ông cho rằng bà D đã ngoại tình, căn cứ vào chứng cứ ông cung cấp là hình ảnh tin nhắn và bản ghi âm cuộc nói chuyện của bà D với người đàn ông khác. Như vậy, nếu bác đơn ly hôn của bà D thì ông B và bà D cũng không thể đoàn tụ, do mâu thuẫn đã quá trầm trọng.

Về con chung, trẻ Võ Nguyễn Gia H1, sinh ngày 28/02/2018 có nguyện vọng được sống cùng mẹ (bút lục số 38), nên việc giao trẻ H1 cho bà D nuôi là phù hợp, do đó không chấp nhận kháng cáo của ông B về con chung.

Về tài sản chung chưa được Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết, các đương sự có yêu cầu tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không thể xem xét, và giành quyền khởi kiện cho ông B ở một vụ án dân sự khác.

Về án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

Với những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông B, giữ nguyên bản án sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 203, Điều 227, Điều 228, Điều 217 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2025;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57 Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Võ Văn B.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Thanh D với ông Võ Văn B.

Bà Nguyễn Thị Thanh D được ly hôn với ông Võ Văn B.

Giấy chứng nhận kết hôn số 159, do Ủy ban nhân dân xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 20/12/2010 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thanh D và ông Võ Văn B có 02 con chung tên Võ Nguyễn Thiên P, sinh ngày: 03/7/2011 và Võ Nguyễn Gia H1, sinh ngày: 28/02/2018. Giao trẻ Võ Nguyễn Gia H1, sinh ngày: 28/02/2018 cho bà Nguyễn Thị Thanh D trực tiếp nuôi dưỡng; giao trẻ Võ Nguyễn Thiên P, sinh ngày: 03/7/2011 cho ông Võ Văn B trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bà D và ông B.

Bà Nguyễn Thị Thanh D và ông Võ Văn B có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, sau này bà Nguyễn Thị Thanh D và ông Võ Văn B đều có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí:

5.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh D chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà bà Nguyễn Thị Thanh D đã nộp theo biên lai thu số 0017248 ngày 15/9/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Thanh D đã nộp đủ án phí.

5.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Võ Văn B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010476 ngày 04/02/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Võ Văn B đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- VKSND Tối cao;
- VKSND TP.HCM;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND Khu vực M;
- THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

Võ Thị Mỹ Hạnh